TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/7/2020.
V/v: *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2020/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Xóm 7, Thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Huỳnh Thị Thanh N yêu cầu:*

Về hôn nhân: Chị N và anh Võ Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2015. Chị N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Võ Văn T bởi vì vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng chung sống không hợp, anh T không tôn trọng, xúc phạm chị N nhiều lần; vợ chồng không có tiếng nói chung trong công việc, tình cảm, lối sống từ đó vợ chồng thường hay cải vả, không còn sự hòa thuận tôn trọng. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị N yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh T có một người con chung tên là Võ Thị Như Ng, sinh ngày 29/02/2016. Con hiện đang do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N không tranh chấp về con mà đồng ý giao con cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu chứng cứ chị N nộp: Bản sao chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; bản phô tô chứng thực chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Thanh N.

**/ Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn - anh Võ Văn T trình bày ý kiến như sau:*

Về hôn nhân: Anh T và chị Huỳnh Thị Thanh N chung sống với nhau có đăng ký tại UBND xã H vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, lối sống, công việc nên thường xảy ra cải nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không thể liên lạc được với nhau để hàn gắn tình cảm. Theo anh T được biết nguyên nhân chị N làm đơn ly hôn là do áp lực từ phía gia đình. Tuy có xảy ra bất đồng mâu thuẫn nhưng thời gian qua bản thân anh đã cố gắn khuyên nhủ, thuyết phục chị N quay về để vợ chồng tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau nhưng chị N cương quyết ly hôn nên anh cũng chấp nhận ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị N có một người con chung tên là Võ Thị Như Ng, sinh ngày 29/02/2016. Con đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con Võ Thị Như Ng cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48

BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định BLTTDS, tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp và hòa giải cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người thai gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn với anh Võ Văn T.

+ Về con chung: Giao cho anh Võ Văn T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Võ Thị Như Ng, sinh ngày 29/02/2016 cho đến khi thành niên. Chị Huỳnh Thị Thanh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

+ Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị N đã nộp xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn - chị Huỳnh Thị Thanh N:

Chị N và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã H nên là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến phải sống ly thân, chị N làm đơn xin ly hôn với anh T. Về căn cứ ly hôn là do vợ chồng chung sống không hợp, anh T không tôn trọng, xúc phạm chị N; vợ chồng không có tiếng nói chung trong công việc, tình cảm, lối sống.

Sau khi đã thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa chị N và anh T, nhưng chị N cương quyết ly hôn với anh T, đồng thời làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T thấy rằng: Thực tế tại địa phương, anh chị chung sống với nhau không hạnh, hòa thuận mà thường xảy ra gây gỗ, cải vả nhau.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T thấy rằng, vợ chồng chung sống với nhau nhưng thiếu sự quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, thường xảy ra cải vả, gây gỗ không tự hòa giải được rồi vợ chồng tự sống ly thân khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa hôm nay, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Do đó xét thấy cần giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có một người con chung tên là Võ Thị Như Ng, sinh ngày 29/02/2016. Khi ly hôn chị N không tranh chấp về con và đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng, Như vậy xét xét thấy giữa chị N và anh T đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Nên cần tiếp tục giao cho anh Võ Văn T có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng một người con chung là Võ Thị Như Ng, sinh ngày 29/02/2016 cho đến khi thành niên, chị N được quyền thăm nom chăm sóc con, không ai được ngăn cản là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Cần buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 273, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Huỳnh Thị Thanh N.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho anh Võ Văn T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Võ Thị Như Ng, sinh ngày 29/02/2016 cho đến khi thành niên. Chị Huỳnh Thị Thanh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N.003417, ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Án xử sơ thẩm, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/7/2020);

+ Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã H;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí